TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85 /2020/HS-ST
Ngày 31 - 12- 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Hồng Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Minh Sửu

Ông Đỗ Trọng Hoành

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh T tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Txét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 89/2020/TLST-HS ngày 23 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 12 năm 2020;

Đối với bị cáo: **Trịnh Đình T**, tên gọi khác: không, sinh ngày 18/3/1992 tại: Xã Xuân Thiên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn C, xã X, huyện T, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trịnh Đình T; con bà Bùi Thị T; vợ con: Chưa có;

Tiền án: Ngày 23/01/2018 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T xử phạt: 18 tháng tù về tội: " Trộm cắp tài sản "

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 20/6/2012 bị Tòa án nhân dân tỉnh T xử phạt 09 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản".

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 18/9/2020 đến nay. có mặt.

- Bị hại:

1. Chị Vũ Thị T, sinh năm 1967, có mặt.

Địa chỉ: xã X, huyện T, tỉnh T

2. Chị Chu Thị L, sinh năm 1990

Địa chỉ:, xã T, huyện T, tỉnh T; vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Vũ Văn B, sinh năm 1941

Địa chỉ: xã Thuận M, huyện T, T; vắng mặt

2. Anh Lê Văn T, sinh năm 1984

Địa chỉ: thị trấn L, huyện L, T; vắng mặt

- *Người làm chứng:*

1. Ông Vũ Ngọc S, sinh năm 1964

Địa chỉ: xã X, huyện T, tỉnh T; có mặt.

2. Anh Lê Văn B, sinh năm 1993

Địa chỉ:, xã X, huyện T, tỉnh T; có mặt.

3. Anh Vũ Khắc T, sinh năm 1987

Địa chỉ: xã T, huyện T, tỉnh T; vắng mặt.

4. Chị Lê Thị C, sinh năm 1983

Địa chỉ: xã T, huyện T, tỉnh T; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 19/10/2019, Trịnh Đình T một mình đi bộ qua nhà bà Vũ Thị T (Sinh năm 1967 trú tại thôn Q, xã X, huyện T), phát hiện nhà bà T không có ai ở nhà, cửa ra vào ban công tầng 2 đang mở nên đã trèo lên mái nhà bếp, trèo lên ban công rồi đi vào trong nhà xuống phòng khách dưới tầng một, lục lọi tài sản để trộm cắp. Khi nhìn thấy có Camera ghi hình, lắp trên nóc tủ quần áo, T đã tháo lấy trộm Camera rồi theo đường cũ thoát ra ngoài. Sau đó T đi bộ xuống bờ sông Chu, đi qua cầu phao đến xã T, huyện T vứt xuống sông, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không có kết quả. Toàn bộ hành vi của Trịnh Đình T đã bị Camera giám sát của gia đình bà T ghi lại, Trịnh Đình T xác nhận hình ảnh người thanh niên vào nhà bà Thơm lục lọi trộm cắp tài sản chính là T.

Tiếp đó, khoảng 17 giờ 30 phút ngày 29/8/2020 Trịnh Đình T bắt xe buýt từ xã T, huyện T đến điểm dừng xe buýt thuộc xã Thọ Phú, huyện T thì xuống xe và đi bộ dọc theo Quốc lộ 47B hướng đi thị trấn T. Lúc đi bộ T phát hiện trong sân nhà chị Chu Thị L (Sinh năm 1990 ở thôn 6, xã T, huyện T dựng 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu xanh ngọc, biển kiểm soát 36B6-401.88, chìa khóa điện vẫn cắm tại ổ khóa nên này sinh ý định trộm cắp. T vào sân thấy trong nhà bật điện sáng nhưng không có người nên đã nổ máy và điều khiển xe đến thị trấn M, huyện T. Khoảng 19

giờ ngày 05/9/2020 T đi xe máy đến cửa hàng sửa chữa, mua bán xe máy của anh Lê Văn T (Sinh năm 1984 trú tại thôn C, thị trấn L, huyện L) bán được 7.500.000đ. Quá trình điều tra xác minh, Cơ quan điều tra đã thu giữ tại hệ thống Camera giám sát của gia đình chị Chu Thị L hình ảnh người đàn ông đi bộ, mặc áo phông cọc tay màu đen, quần màu trắng, đội mũ. T thừa nhận đó là hình ảnh của T khi đi bộ đến nhà chị L, quan sát không có ai nên đã lén lút vào trộm cắp.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T và T đã tiến hành trưng cầu định giá đối với xe máy nhãn hiệu Honda Wave và 01 Camera mà T đã trộm căp. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 58/KL-HĐĐG ngày 31/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: Thời điểm bị trộm cắp chiếc Camera có giá trị là 1.092.000đ ; Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 28/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: Tại thời điểm bị trộm cắp xe máy nhãn hiệu Honda Wave Biển kiểm soát 36B6-401.88 có giá trị 14.000.000đ.

Chị Chu Thị L đã nhận lại tài sản bị trộm cắp nên không có yêu cầu được bồi thường. Bà Vũ Thị Thơm không yêu cầu Trịnh Đình T bồi thường giá trị của Camera đã trộm cắp tương đương số tiền 1.092.000đ.

Đối với anh Lê Văn T đã mua lại xe máy nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 36B6-401.88 của Trịnh Đình T, khi bán T nói là xe của gia đình, kèm theo 01 giấy đăng kí xe mang tên Chu Thị L, 01 bảo hiểm xe. Anh T không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có nên không có căn căn cứ để xử lý. Anh T yêu cầu T phải bồi thường 7.500.000đ.

Về phần dân sự: Bị hại L đã được cơ quan điều tra giao trả lại tài sản bị mất trộm; đối với tài sản là chiếc Ca me ra bị hại T không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.092.000 đồng. Anh Lê Văn T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 7.500.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 82/CT-VKSTX ngày 23/11/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân đã truy tố bị cáo Trịnh Đình T, về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trịnh Đình T thừa nhận ngày 19/10/2019 lấy trộm Camera nhà chị Thơm rồi vứt xuống sông, tiếp đó ngày 29/8/2020 trộm cắp 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 36B6 - 40188, trị giá 14.000.000đ đúng như nội dung bản Cáo trạng đã nêu; bị cáo không có ý kiến gì về giá trị của chiếc Camera là 1.092.000đ và chiếc xe máy Hon da Wawe là 14.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trịnh Đình T, phạm tội " Trộm cắp tài sản "

Về hình phạt: đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Đình T từ 23 (Hai mươi ba) đến 26 (Hai mươi sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản là chiếc xe máy Wawe biển kiểm soát 36B6-40188 đã được trả lại bị hại Chu Thị L; bị hại L không có yêu cầu bồi thường gì, nên đề nghị không xem xét. Bà Vũ Thị T không yêu cầu Trịnh Đình T bồi thường giá trị của Came ra đã trộm cắp tương đương số tiền 1.092.000đ, nên đề nghị không xem xét

Đối với anh Lê Văn T đã mua lại xe máy nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 36B6-401.88 của Trịnh Đình T, khi bán T nói là xe của gia đình, kèm theo 01 giấy đăng kí xe mang tên Chu Thị L, 01 bảo hiểm xe. Anh T không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có nên không có căn căn cứ để xử lý. Anh T yêu cầu T phải bồi thường 7.500.000đ.

Về án phí đề nghị: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến tranh với luận tội của Đại diện Viện kiểm sát; lời nói sau cùng bị cáo nhận tội và xin được giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời trình bày của bị hại, lời khai của người làm chứng, Biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Ngày 19/10/2019, T trộm cắp 01 Camera của chị Vũ Thị T ở xã X, huyện T, trị giá 1.092.000đ. Tuy giá trị dưới 2.000.000đ nhưng Trịnh Đình T đã bị kết án tù về tội: " Trộm cắp tài sản", chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên phải chịu trách nhiệm về tội " Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 bộ luật hình sự. Ngày 29/8/2020, Trịnh Đình T tiếp tục trộm cắp 01 xe máy nhãn hiệu Hon Da Wave biển kiểm soát 36B6 - 40188 của chị Chu Thị L ở xã Thọ Phú, huyện T trị giá 14.000.000đ.

Bị cáo Trịnh Đình T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Do đó hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Trong vụ án này bị cáo chỉ vì muốn có tiền, tài sản để sử dụng tiêu xài cá nhân, mà không phải bỏ sức lao động, nên khi thấy có sự sơ hở, mất cảnh giác của người quản lý tài sản, đã bất chấp pháp luật, lợi dụng để chiếm đoạt tài sản của người khác. Vụ án xảy ra đã gây nên tâm lý hoang mang bất bình trong nhân dân, đồng thời gây mất trật tự trị an, làm ảnh hưởng đến sự an toàn xã hội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Do vậy, việc

đưa vụ án ra xét xử và lên một mức án nghiêm minh đối với bị cáo là cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh, phòng ngừa tội phạm.

[4] Về tiền án: Ngày 23/01/2018 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T xử phạt: 18 tháng tù về tội: " Trộm cắp tài sản "

Nhân thân: Ngày 20/6/2012 bị Tòa án nhân dân tỉnh T xử phạt 09 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản".

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo T phải chịu 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là " *Phạm tội 02 lần trở lên* " và " *Tái phạm* " Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ: " *Người phạm tội thành khẩn khai báo"* quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử, xét thấy: Bị cáo T đã phạm tội nhiều lần, nhưng không lấy đó làm bài học để cải tạo bản thân, lại tiếp tục phạm tội, coi thường pháp luật; Do đó, cần thiết phải xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù, bắt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo, đồng thời đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa tội phạm. Xét thấy bị cáo phải chịu 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo sớm trở về hòa nhập với cộng đồng xã hội; xử phạt bị cáo mức án phạt tù như đề nghị của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Chu Thị L đã được Cơ quan điều tra giao trả lại số tài sản bị mất trộm; đối với số tài sản là chiếc Camera bị hại Vũ Thị Thơm không yêu cầu bị cáo bồi thường. Anh Lê Văn T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 7.500.000 đồng.

[9] Về các tình tiết liên quan: Qúa trình điều tra xác định: Anh Lê Văn T (chủ cửa hàng sử chữa, mua bán xe máy) có mua chiếc xe máy Hon Da Wawe màu xanh ngọc, biển kiểm soát 36B6- 40188 của bị cáo T, nhưng không biết đó là tài sản do T trộm cắp mà có, nên Cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm đối với anh T là đúng theo quy định của pháp luật.

[10] Về án phí: Bị cáo Trịnh Đình T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Căn cứ Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Đình T, phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Trịnh Đình T 24 (Hai mươi tư) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 18/9/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường cho anh Lê Văn Thảo số tiền 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn) đồng.

3. Về án phí: bị cáo Trịnh Đình T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 375.000đ (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là 575.000đ (Năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị hại vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T
- Sở Tư pháp tỉnh T;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Hồng Đức